

VỀ THỜI HIỆU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

TS. NGUYỄN CÔNG BÌNH *

Thi hành án dân sự là một giai đoạn của quá trình bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Bản chất của thi hành án dân sự là việc thực thi quyền dân sự nên trong thi hành án dân sự các đương sự vẫn có quyền tự định đoạt, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chỉ ra quyết định thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án của đương sự, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Tuy nhiên, nếu các đương sự được yêu cầu thi hành án dân sự bất cứ lúc nào thì việc tổ chức thi hành án sẽ không tránh khỏi những khó khăn, phức tạp và trong nhiều trường hợp sẽ không thể thực hiện được. Vì vậy, pháp luật thi hành án dân sự đã quy định các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án dân sự chỉ được yêu cầu thi hành án trong một thời hạn nhất định. Thời hạn do pháp luật thi hành án dân sự quy định cho đương sự có quyền yêu cầu thi hành án dân sự được gọi là thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự. Trong số các đương sự của thi hành án dân sự thì chỉ có người được thi hành án và người phải thi hành án là có quyền, nghĩa vụ được xác định trong bản án, quyết định của tòa án được đưa ra thi hành án nên mới có quyền yêu cầu thi hành án. Do đó, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự là thời hạn do pháp luật thi hành án dân sự quy định cho người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án dân sự.

Bản chất của thời hiệu yêu cầu thi hành

án dân sự là việc Nhà nước giới hạn quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự trong một thời hạn nhất định. Trong thời hạn do pháp luật quy định, đương sự có quyền yêu cầu thi hành án mới có quyền gửi đơn đến cơ quan thi hành án có thẩm quyền yêu cầu thi hành án, hết thời hạn đó họ không có quyền yêu cầu thi hành án nữa. Tuy vậy, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự nhìn chung chỉ đặt ra đối với phần bản án, quyết định dân sự được thi hành theo yêu cầu của đương sự vì trong đó đương sự được định đoạt quyền, lợi ích của mình. Đối với phần bản án, quyết định dân sự mà việc thi hành mang lại lợi ích cho Nhà nước thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phải chủ động thi hành nên không áp dụng thời hiệu thi hành án dân sự.

Việc pháp luật thi hành án dân sự quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự trước hết có ý nghĩa bảo đảm hiệu quả của thi hành án dân sự. Do pháp luật quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự nên đương sự chỉ có quyền yêu cầu thi hành án trong thời hạn pháp luật quy định. Điều này có tác dụng nâng cao trách nhiệm của đương sự đối với việc thi hành án dân sự, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức thi hành án nhất là

* Giảng viên chính Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

trong việc xác minh điều kiện thi hành án, tài sản và địa chỉ của người phải thi hành án. Ngoài ra, việc pháp luật thi hành án dân sự quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự còn có tác dụng bảo đảm việc thực hiện quyền tự định đoạt của đương sự trong thi hành án dân sự được thuận lợi. Căn cứ vào thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự do pháp luật thi hành án dân sự quy định mà các đương sự có thể lựa chọn, quyết định thời điểm thích hợp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình để yêu cầu thi hành án dân sự.

Xuất phát từ yêu cầu của công tác thi hành án dân sự và ý nghĩa quan trọng của thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, trong các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự được Nhà nước ta ban hành từ năm 1989 đến nay đều có quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự được Nhà nước ta ban hành trước đây đã có những khác nhau nhất định khi quy định thời hiệu thi hành án dân sự.

Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1989 và Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án là cá nhân và tổ chức là khác nhau. Theo Điều 16 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1989, trong thời hạn ba năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án là công dân có quyền gửi đơn đến chánh án toà án đã xử sơ thẩm hoặc sơ thẩm đồng thời là chung thẩm vụ án để yêu cầu thi hành án. Trong trường hợp đơn yêu cầu thi hành án được trả lại thì thời hạn ba năm được tính từ ngày trả lại đơn yêu cầu thi hành án. Bản án, quyết định thi hành theo định kì thì thời hạn

ba năm tính từ ngày việc thi hành án bị ngừng. Trong thời hạn một năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cơ quan, tổ chức được thi hành án có quyền gửi đơn đến chánh án toà án đã xử sơ thẩm hoặc sơ thẩm đồng thời là chung thẩm vụ án để yêu cầu thi hành án. Trong thời hạn đó, nếu cơ quan, tổ chức được thi hành án không yêu cầu thi hành thì toà án nộp tài sản thu được do thi hành án vào ngân sách nhà nước. Theo Điều 21 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án là cá nhân có quyền gửi đơn đến cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án. Trong trường hợp đơn yêu cầu thi hành án được trả lại cho người có đơn yêu cầu thi hành án do người phải thi hành án không có tài sản để thi hành thì thời hạn ba năm được tính từ ngày người phải thi hành án có điều kiện thi hành. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kì thì thời hạn ba năm được tính từ ngày việc thi hành án bị ngừng. Trong thời hạn một năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cơ quan, tổ chức được thi hành án có quyền gửi đơn đến cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án. Hết thời hạn đó, nếu cơ quan, tổ chức được thi hành án không yêu cầu thi hành thì bản án, quyết định hết hiệu lực thi hành. Qua thực tiễn thực hiện cho thấy các quy định chưa thực sự khoa học, không bảo đảm sự được bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật thi hành án dân sự.

Khác với các văn bản pháp luật thi hành án dân sự nêu trên, Điều 383 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Điều 25 Pháp lệnh thi

hành án dân sự năm 2004 (PLTHADS) và Điều 7 Nghị định của Chính phủ số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự chung cho cá nhân, cơ quan và tổ chức. Theo các quy định này thì thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự và việc tính thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự như sau:

- Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án trong thời hạn ba năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay thì thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự vẫn được tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được án định trong bản án, quyết định của tòa án thì thời hạn ba năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kì thì thời hạn ba năm được áp dụng cho từng định kì, tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

- Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn, tạm đình chỉ thi hành án.

- Đối với phần bản án, quyết định về án phí, lệ phí; phạt tiền; tịch thu tài sản; truy thu thuế hoặc truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính; xử lý vật chứng, tài sản thu giữ; thu hồi đất và quyết định áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời thì không áp dụng thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về nguyên tắc, việc yêu cầu thi hành án dân sự của các đương sự hiện nay phải được thực hiện trong thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự nêu trên. Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, các đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án nữa. Tuy vậy, trên thực tế vẫn có những trường hợp đương sự yêu cầu thi hành án quá hạn nhưng không phải do lỗi của họ. Vì vậy, để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong những trường hợp này việc yêu cầu thi hành án quá hạn vẫn cần phải chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 PLTHADS, nếu người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng đó không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định của Chính phủ số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 thì những sự kiện sau đây được gọi là gấp trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng:

- Người được thi hành án không nhận được bản sao bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ;

- Người được thi hành án vắng mặt ở nơi thi hành án trong một thời gian dài do yêu cầu công tác, chữa bệnh, thiên tai, hỏa hoạn hay do trở ngại khách quan khác mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn;

- Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập,

chia tách, giải thể, cổ phần hóa mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

- Do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan khác dẫn đến việc người được thi hành án không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 PLTHADS, khoản 2 Điều 7 Nghị định của Chính phủ số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án xem xét, ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự. Khi xét đơn đề nghị khôi phục thời hiệu thi hành án dân sự, nếu thấy việc yêu cầu thi hành án dân sự quá hạn là do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng tức là có căn cứ khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phải chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn của đương sự và ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự. Trong trường hợp việc yêu cầu thi hành án dân sự quá hạn không phải do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án dân sự có quyền không chấp nhận việc yêu cầu thi hành án quá hạn và ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn.

Nghiên cứu các quy định của pháp luật thi hành án dân sự hiện hành về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, chúng tôi thấy nhìn chung đã tương đối đầy đủ và hợp lý (như pháp luật đã quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự chung cho cả người được

thi hành án và người phải thi hành án là cá nhân, tổ chức; cách tính thời hiệu yêu cầu thi hành dân sự trong một số trường hợp cụ thể; các căn cứ khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự v.v..) Tuy vậy, qua việc nghiên cứu cũng cho thấy các quy định này vẫn còn một số bất cập nhất định như chưa quy định đầy đủ thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự đối với tất cả các bản án, quyết định; chưa quy định cá thể hóa thời hiệu yêu cầu thi hành dân sự đối với mỗi loại bản án, quyết định và thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự còn quy định quá ngắn, chưa phù hợp thực tiễn thi hành án dân sự.

Theo quy định tại Điều 1 PLTHADS thì các bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự gồm có: Bản án, quyết định của tòa án về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế; bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài được tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; quyết định về dân sự, phạt tiền, tịch thu tài sản, xử lí vật chứng, tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí trong bản án, quyết định của tòa án về hình sự; quyết định về phần tài sản trong bản án, quyết định của tòa án về hành chính; quyết định tuyên bố phá sản; quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam và bản án, quyết định khác do pháp luật quy định. Như vậy, theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự thì không chỉ các bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự mà cả các quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam và cả các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại Điều 383 BLTTDS, Điều 25 PLTHADS và Điều 7 Nghị định của Chính phủ số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 mới chỉ quy định thời hiệu yêu cầu thi hành các bản án, quyết định của tòa án mà chưa quy định thời hiệu yêu cầu thi hành quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam. Việc pháp luật thi hành án dân sự không quy định thời hiệu yêu cầu thi hành quyết định của trọng tài thương mại đã dẫn đến nghịch lí là bản án, quyết định của tòa án thì bị giới hạn thời hạn thi hành còn quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam thì không bị giới hạn thời hạn thi hành, theo đó quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam có thể thi hành bất cứ lúc nào. Vô tình quy định này đã dẫn đến việc coi trọng quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam hơn bản án, quyết định của tòa án nên rất bất hợp lí.

Mặt khác, các bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự khá đa dạng nên nội dung của bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự không chỉ liên quan đến vấn đề về tài sản mà còn liên quan đến cả các vấn đề khác như việc làm, quyền nhân thân v.v.. Do tính chất của các vấn đề này khác nhau nên việc thi hành các bản án, quyết định liên quan đến các vấn đề này cũng có những yêu cầu riêng. Đối với việc thi hành các bản án, quyết định về nhận người lao động trở lại làm việc liên quan đến tổ chức sản xuất, đến chế độ chính sách lao động và đời sống của người lao động càng để lâu càng khó thi hành, việc tổ chức thi hành càng sớm càng tốt, vì vậy cần giới hạn thời hạn thi hành tương đối ngắn. Đối với việc thi hành bản án, quyết định về

cải chính hộ tịch, xin lỗi do hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng trực tiếp đến nhân thân của đương sự được thi hành và những người liên quan nên phải thi hành trong mọi trường hợp, vì vậy không thể giới hạn thời hạn thi hành. Đối với việc thi hành các bản án, quyết định về tài sản thì cần giới hạn trong một thời hạn nhất định, nếu để quá lâu sẽ khó thi hành. Tuy vậy, việc giới hạn thời hạn thi hành đối với các bản án, quyết định về tài sản cũng không nên quá ngắn, nếu không sẽ khó thi hành. Từ đó cho thấy việc pháp luật thi hành án dân sự quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự chung cho tất cả các bản án, quyết định là chưa cá thể hóa được thời thời hiệu yêu cầu thi hành dân sự đối với mỗi loại bản án, quyết định và chưa xuất phát từ yêu cầu của việc thi hành mỗi loại bản án, quyết định nên chưa khoa học.

Theo quy định tại Điều 383 BLTTDS và Điều 25 PLTHADS thì thời hiệu thi hành tất cả các bản án, quyết định là ba năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; đối với trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được án định trong bản án, quyết định của tòa án thì thời hạn ba năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn; đối với bản án, quyết định thi hành theo định kì thì thời hạn ba năm được áp dụng cho từng định kì, tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Như vậy, theo quy định này thì đương sự chỉ có quyền yêu cầu thi hành án dân sự trong thời hạn ba năm, kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc nghĩa vụ đến hạn. Với thời hạn yêu cầu thi hành án dân sự như vậy liệu có bảo đảm quyền yêu cầu thi hành án của

đương sự không? Thực tiễn thi hành các bản án, quyết định dân sự về tài sản cho thấy thông thường do người phải thi hành án không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ về tài sản của họ nên mới có tranh chấp và tòa án phải giải quyết, trong thời hạn ba năm sau xét xử người phải thi hành án khó có điều kiện thi hành án. Việc pháp luật quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự là ba năm đã dẫn tới không ít trường hợp buộc người được thi hành án cứ phải yêu cầu thi hành án trong khi biết rõ người phải thi hành án không có điều kiện thi hành vì nếu không sẽ mất quyền yêu cầu thi hành án. Điều này không những gây phiền hà, tốn kém cho đương sự đồng thời gây phức tạp cả cho cơ quan thi hành án dân sự vì vừa phải thụ lý vụ việc đã phải trả lại đơn yêu cầu thi hành án do đương sự không có tài sản để thi hành.

Hiện nay, những bất cập của pháp luật thi hành án dân sự hiện hành về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự bước đầu đã được xem xét trong quá trình xây dựng Bộ luật thi hành án dân sự. Tuy vậy, qua nghiên cứu các dự thảo Bộ luật này chúng tôi thấy những vấn đề bất cập nêu trên về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự vẫn chưa được khắc phục triệt để. Vì vậy, để hoàn thiện các quy định của pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự một mặt phải tiếp tục quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự chung cho cả người được thi hành án và người phải thi hành án là cá nhân, tổ chức; quy định cách tính thời hiệu yêu cầu thi hành dân sự theo thời hạn bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và thời hạn đến hạn thực hiện nghĩa vụ; quy định cụ thể các căn cứ,

thẩm quyền và thủ tục khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, mặt khác phải giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, các quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam cũng được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự nên phải bổ sung quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành đối với quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam. Quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam chủ yếu là các quyết định về tài sản, do đó khi pháp luật đã quy định các quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự thì cũng phải quy định thời hiệu yêu cầu thi hành các quyết định của trọng tài thương mại Việt Nam như thời hiệu thi hành bản án, quyết định về tài sản của tòa án. Ngoài ra, để tạo thuận tiện cho các đương sự trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, pháp luật thi hành án dân sự nên tiến tới quy định cả việc thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự đối với các cam kết nghĩa vụ về tài sản được công chứng, chứng thực hợp pháp. Nếu pháp luật thi hành án dân sự quy định mở rộng phạm vi thi hành án đối với các cam kết nghĩa vụ về tài sản được công chứng, chứng thực hợp pháp thì phải quy định cả thời hiệu yêu cầu thi hành chúng. Việc đương sự yêu cầu thi hành các cam kết này thực chất cũng là việc đương sự yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ quyền dân sự của họ như việc khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng dân sự. Nếu pháp luật thi hành án dân sự không quy định thời hiệu yêu cầu thi hành đối với các cam kết này sẽ dẫn đến mâu thuẫn là các tranh chấp về thực hiện cam kết nghĩa vụ về tài sản được tòa án giải quyết thì việc thi hành nghĩa vụ của các

bên có thời hạn còn nếu không thì thời gian thực hiện nghĩa vụ này không có thời hạn.

Thứ hai, các bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự bao gồm nhiều loại, tính chất và yêu cầu thi hành mỗi loại khác nhau, do đó cần quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án riêng đối với mỗi loại bản án, quyết định như thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các bản án, quyết định về tài sản khác với thời hiệu yêu cầu thi hành các bản án, quyết định về nhận người lao động bị sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật trở lại làm việc v.v.. Ngoài ra, nên quy định không giới hạn thời hạn yêu cầu thi hành án dân sự đối với bản án, quyết định về cải chính hộ tịch, xin lỗi những hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức và việc thi hành án cho người được thi hành án là Nhà nước. Đối với các bản án, quyết định này đương sự có quyền yêu cầu thi hành án bất cứ lúc nào vì việc thi hành chúng liên quan đến việc khôi phục, bảo vệ quyền nhân thân của các cá nhân, tổ chức và lợi ích của Nhà nước.

Thứ ba, việc có thi hành được bản án, quyết định hay không phụ thuộc một phần rất lớn vào điều kiện thi hành án của người phải thi hành án. Đối với việc thi hành bản án, quyết định về nhận người lao động bị sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật trở lại làm việc thi cần phải yêu cầu thi hành sớm trước khi người sử dụng lao động bố trí người khác vào thay thế mới dễ thi hành và mới bảo đảm được quyền lợi của cả người lao động lẫn quyền lợi của người sử dụng lao động. Tuy vậy, đối với việc thi hành bản án, quyết định về bồi thường tài sản trong nhiều trường hợp phải thi hành án muộn thì

người phải thi hành án mới có tài sản để thi hành án. Vì vậy, đối với yêu cầu thi hành án về nhận người lao động bị sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật trở lại làm việc pháp luật thi hành án dân sự nên quy định thời hiệu là một năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là hợp lý. Trái lại, đối với yêu cầu thi hành án về bồi thường thiệt hại tài sản, để bảo đảm quyền yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và tránh những phiền hà cho họ thì pháp luật thi hành án dân sự nên quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự dài hơn. Hiện nay, các dự thảo Bộ luật thi hành án quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự về tài sản quá dài và phức tạp (mười năm đối với động sản, hai mươi năm đối với tài sản giao dịch có bảo đảm, ba mươi năm đối với bất động sản là). Việc dự thảo Bộ luật thi hành án dân sự quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự như trên là nhằm giới hạn quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự trong thời gian nhất định để bảo đảm hiệu quả tổ chức thi hành án và nâng cao trách nhiệm của đương sự trong việc thi hành án nhưng vì quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự quá dài nên không phát huy được tác dụng. Hơn nữa, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự và việc xác lập quyền sở hữu tài sản theo thời hiệu là những vấn đề hoàn toàn khác nhau về nội dung và bản chất. Qua khảo sát thực tiễn thi hành án chúng tôi thấy nên quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự chung đối với các bản án, quyết định về tài sản trong khoảng năm năm là hợp lý. Với thời gian này vừa bảo đảm được hiệu quả của việc tổ chức thi hành án vừa không hạn chế quyền yêu cầu thi hành án của đương sự./.